TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2022/DS-ST Ngày: 21/4/2022 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Mai Xuân Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng BV (BV); địa chỉ: Tòa tháp BV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng BV Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Đăng Đ - Phó Giám Đốc Ngân hàng BV - Chi nhánh Thành Nam;

+ Ông Trần Trọng T - Trưởng phòng Khách hàng cá nhân- Ngân hàng BV - Chi nhánh Thành Nam;

+ Ông Trần Viết B - Phó trưởng phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng BV - Chi nhánh Thành Nam;

+ Ông Lê Huy H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng BV - Chi nhánh Thành Nam.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm TC, xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông Đ, ông B; vắng mặt ông H, ông T, ông Th, bà X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X có nghề nghiệp chính là khai thác thủy hải sản trên biển. Trên cơ sở đề nghị và phương án phát triển sản xuất của ông Th, bà X, ngày 05/06/2017, BV đã ký hợp Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD với ông Th, bà X gồm những nội dung chính sau: Số tiền vay là 17.519.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 7%/năm; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất trong hạn; mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư đóng mới tàu cá vỏ thép phục vụ khai thác thủy sản xa bờ theo Nghị định 67. Thời hạn vay: 16 năm kể từ ngày ông Th, bà X rút khoản vốn vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 12 tháng.

Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ, ông Th, bà X đã ký với BV Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017 trong đó thể hiện: Tài sản thế chấp là tàu Hoàng Thanh 02 (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 229/17/ĐK số Đăng ký: NĐ-95757-TS do Chi cục thủy sản – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định cấp ngày 6/11/2017). Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Th, bà X nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi cho BV, cụ thể: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X quá hạn nợ gốc kể từ ngày 10/07/2018, vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ ngày 11/08/2019. Ngân hàng nhiều lần làm việc và yêu cầu ông Th, bà X thực hiện nghĩa vụ theo đúng cam kết tại các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản kèm theo khác mà hai bên đã ký kết. Đến nay, ông Th, bà X vẫn không thanh toán các khoản nợ đến hạn, nợ quá hạn cho BV.

Sau khi xem xét thẩm định, BV phát hiện tài sản thế chấp bị thay đổi hiện trạng, thiếu nhiều tài sản có giá trị so với bản Quyết toán Công trình đóng tàu cá lưới rê số kí hiệu thiết kế LR295.27 có chữ ký nhận của ông Th. BV đã gửi yêu cầu, ông Th, bà X đã tự nguyện khắc phục một số chi tiết thuộc tài sản thế chấp nhưng còn một số chi tiết chưa khắc phục gồm:

- Phần trang thiết bị cơ khí trên boong tàu (một số dây cáp, xích neo tàu, cột bít đôi); trang thiết bị tín hiệu (trừ cột đèn tín hiệu và còi), đèn hàng hải các loại và các trang thiết bị báo hiệu hàng hải khác; trang thiết bị cứu sinh gồm: Phao và áo phao các loại…; trang thiết bị kéo lưới gồm: Tời kéo lưới rê (02 bộ), hệ cầu (còn 01 cột cẩu và 01 tay cầu); trang thiết bị nghi khí hàng hải: các máy định vị dò cá, phao vô tuyến sự cố, bộ phản xạ radar Sart…;

- Các trang thiết bị ngư lưới cụ.

- Phần máy: Hệ thống máy phát điện chính, bơm hút dung chung, bơm nước ngọt sinh hoạt, B chữa cháy các loại…

Nay BV đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X phải trả nợ cho BV toàn bộ số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 21/4/2022 là 18.378.511.699 đồng (mười tám tỷ, ba trăm bảy tám triệu, năm trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 16.899.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 896.287.370đ và lãi quá hạn 583.224.329đ.

Kể từ ngày 22/4/2022, bên cạnh việc trả nợ gốc, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong toàn bộ khoản nợ.

- Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X không trả hoặc trả không đủ nợ thì BV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là tàu Hoàng Thanh 02 theo Hợp đồng số 01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017 giữa BV và ông Th, bà X để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục thi hành số tiền còn thiếu cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định của Luật Thi hành án dân sự cho BV.

- Buộc ông Th, bà X phải bồi hoàn, lắp đặt theo đúng thiết kế và quyết toán được duyệt với toàn bộ các thiết bị còn thiếu kể trên thuộc tài sản thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 09-7-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X cùng ý kiến trình bày: Năm 2017, ông Th, bà X đã làm đơn đề nghị BV cho vay vốn đóng mới tàu đánh cá theo Nghị Định 67 của Chính Phủ. Sau khi được phê duyệt, ông Th, bà X đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, các phụ lục và văn bản kèm theo với các nội dung chính như BV đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế khó khăn nên ông Th, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và đến nay còn nợ BV số tiền gốc và lãi như BV đã yêu cầu. Ông Th, bà X công nhận tài sản thế chấp hiện nay còn thiếu một số chi tiết như BV đã liệt kê. Nguyên nhân việc thiếu một phần do bị hỏng trong khi khai thác, một phần bị mất sau khi neo đậu. Mặc dù đã nhận được yêu cầu của BV về việc thanh toán nợ gốc, nợ lãi, khắc phục tài sản còn thiếu so với biên bản bàn giao nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông Th, bà X không có điều kiện khắc phục tài sản còn thiếu, không có tiền trả nợ cho BV. Ông Th, bà X chấp nhận các yêu cầu về việc trả nợ, xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của BV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, Th qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã T hành thu thập chứng cứ, mở

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống Đ các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 30, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của BV; buộc ông Th, bà X phải trả cho BV toàn bộ nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Th, bà X không trả được nợ thì BV có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp; nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì ông Th, bà X còn phải tiếp tục thực hiện cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi. Không chấp nhận yêu cầu khắc phục ngay những tài sản bị thiếu thuộc tài sản thế chấp do trong các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, các bên không có thỏa thuận về điều khoản này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X, ông Trần Trọng T, ông Lê Huy H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông Th, bà X, ông T, ông H là phù hợp.

[2] *Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD ngày 05/6/2017 và Hợp đồng thế chấp số 01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017, các phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa BV và vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X thì thấy*:

BV và vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X đều là các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD, hợp đồng thế chấp số 01/2017/7118695/HĐBĐ và các văn bản bộ phận kèm theo được ký kết giữa BV và vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X đều hợp pháp; các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng, thực hiện.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

3.1. Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD ngày 05/6/2017, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X được vay của BV số tiền tối đa là 18.279.000.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư đóng mới tàu cá vỏ thép phục vụ khai thác thủy sản xa bờ theo Nghị định 67, thời hạn vay 16

năm. BV đã giải ngân cho ông Th, bà X với tổng số tiền là 17.519.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc kể từ ngày 10/07/2018, vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ ngày 11/08/2019, từ khi vi phạm không trả thêm bất cứ khoản gốc, lãi nào khác. Như vậy, tính đến ngày 21/4/2022, ông Th bà X còn nợ của BV tổng số tiền là 18.378.511.699 đồng (mười tám tỷ, ba trăm bảy tám triệu, năm trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 16.899.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 896.287.370đ và lãi quá hạn 583.224.329đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà X công nhận đã ký hợp đồng vay tiền của BV, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi và nhất trí giao tài sản đã thế chấp để BV xử lý nợ. Do ông Th, bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên việc BV yêu cầu ông Th, bà X phải trả khoản vay gốc còn lại và lãi như trên là có căn cứ, phù hợp pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Đối với yêu cầu buộc ông Th, bà X phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ:

Tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã quy định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật".

Tại Điều 4 hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD ngày 05/6/2017 mà hai bên ký kết đã thỏa thuận về lãi suất, trong đó có lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất nợ quá hạn, việc chuyển nợ quá hạn. Theo các tài liệu nguyên đơn nộp cho Tòa án, mức lãi suất mà BV áp dụng cho các khoản vay đang thực hiện là phù hợp với thỏa thuận của các bên khi giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, yêu cầu của BV về việc đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Th, bà X thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*3.3. Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên trong bản án nội dung: "*Trường hợp khi bản án có hiệu lực, ông Th, bà X không trả hoặc trả không đủ nợ thì BV được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản ông Th, bà X đã thế chấp (Phụ lục 01) để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông Th, bà X phải tiếp tục trả nợ cho BV cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ".

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD ngày 05/6/2017, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X đã ký với BV hợp đồng thế chấp tài sản số

01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017. Tài sản thế chấp: Tàu Hoàng Thanh 02 (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 229/17/ĐK số Đăng ký: NĐ-95757-TS do Chi cục thủy sản – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định cấp ngày 6/11/2017 cho ông Nguyễn Văn Th). Xét hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực tại phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự và Điều 22 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà X không có ý kiến gì về hợp đồng thế chấp, nhất trí giao tài sản thế chấp cho BV để xử lý. Do đó, yêu cầu của BV về việc ghi nội dung cam kết tại Điều 10 Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết là có cơ sở, cần chấp nhận.

3.4. Đối với yêu cầu của BV về việc buộc ông Th, bà X phải khắc phục, lắp đặt các thiết bị còn thiếu trên tàu Hoàng Thanh 02 theo đúng thiết kế và quyết toán được duyệt như BV đã trình bày: Xét thấy, tại điểm e khoản 2 Điều 5 Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017 được ký giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X và Ngân hàng BV- Chi nhánh Thành Nam quy định như sau:

"…

e) Trường hợp Bên thế chấp làm mất, làm hỏng hoặc làm mất giá trị tài sản thế chấp thì phải Th báo ngay cho bên nhận thế chấp và bổ sung, thay thế tài sản khác hoặc bổ sung, thay thế biện pháp bảo đảm khác; nếu không thực hiện được như vậy thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bên thế chấp thực hiện nghĩa vụ trước hạn trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

f.."

Đối với tài sản thế chấp, ngoài Hợp đồng thế chấp, giữa BV và ông Th, bà X không ký kết với nhau bất kỳ thỏa thuận nào khác. Đến nay, ông Th, bà X không khắc phục được một số tài sản bộ phận thuộc tài sản thế chấp đã bị mất mát, hư hỏng nên theo thỏa thuận trên thì BV có quyền yêu cầu ông Th, bà X phải thực hiện nghĩa vụ trước hạn. Do đó, việc BV khởi kiện buộc ông Th, bà X phải thanh toán nợ gốc trước hạn là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, yêu cầu của BV về việc buộc ông Th, bà X phải khôi phục nguyên trạng các tài sản bộ phận thuộc tài sản thế chấp bị mất không thuộc một trong các cam kết, thỏa thuận của các bên nên yêu cầu này của BV không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên theo yêu cầu của BV, Tòa án đã thành lập hội đồng và T hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp. Đến nay, yêu cầu của BV về việc buộc ông Th, bà X trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là phù hợp quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Th, bà X đã có đơn trình bày hoàn cảnh hoàn cảnh kinh tế khó khăn, việc khai thác thủy hải sản xa bờ bị thua lỗ dẫn đến không còn khả năng thanh toán nợ cho BV, hiện đang phải tạm dừng theo yêu cầu của BV và đề nghị Tòa án xét miễn giảm án phí. Đơn đề nghị của bị đơn được chính quyền địa phương xác nhận. Như vậy, việc bị đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là sự việc có thật. Vì vậy, xét cần giảm ½ số tiền án phí phải nộp cho bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 30, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng BV (BV).

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X phải thanh toán trả Ngân hàng BV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 21/4/2022 là 18.378.511.699 đồng (mười tám tỷ, ba trăm bảy tám triệu, năm trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 16.899.000.000 đồng (mười sáu tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu đồng); nợ lãi trong hạn 896.287.370đ (tám trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) và lãi quá hạn 583.224.329đ (năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 22/4/2022, ngoài việc trả nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục thanh toán trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7118695/HĐTD ngày 05/06/2017 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và nợ lãi thì BVcó quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7118695/HĐBĐ ngày 27/06/2017. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục trả nợ cho BV cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

4. Bác các yêu cầu khác của Ngân hàng BV (BV).

5. Chi phí tố tụng: Căn cứ các Điều 155, 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X phải trả cho BV số tiền chi phí xem xét thẩm định 10.000.000đ (mười triệu đồng).

6. Án phí: Căn cứ Điều 13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X phải nộp 63.189.250đ (sáu ba triệu, một trăm tám chín nghìn, hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho BV số tiền 62.862.700 (sáu mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0006001 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Chính;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Việt H Mai X Hòa **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Chính;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe